

Số: 549/BC-UBND

Đắk Nông, ngày 23 tháng 9 năm 2022

BÁO CÁO

Đánh giá chỉ số Chuyển đổi số năm 2021 và tình hình triển khai chuyển đổi số trong 08 tháng năm 2022 trên địa bàn tỉnh Đắk Nông

Kính gửi: Bộ Thông tin và Truyền thông

Thực hiện Công văn số 4651/BTTTT-CĐSQG ngày 14/9/2022 của Bộ Thông tin và Truyền thông về việc báo cáo kết quả triển khai chuyển đổi số phục vụ phiên họp lần thứ 4 của Ủy ban Quốc gia về chuyển đổi số; UBND tỉnh Đắk Nông báo cáo đánh giá chỉ số Chuyển đổi số năm 2021 và tình hình triển khai chuyển đổi số trong 08 tháng năm 2022 trên địa bàn tỉnh Đắk Nông, cụ thể như sau:

PHẦN I. KẾT QUẢ CHỈ SỐ ĐÁNH GIÁ CHUYỂN ĐỔI SỐ (DTI) TỈNH ĐẮK NÔNG NĂM 2021

I. Kết quả chỉ số DTI năm 2021

- Giá trị trung bình DTI 2021 cấp tỉnh là 0,4014, tăng trưởng 32,7% so với năm 2020 (0,3026). Trong đó, 31/63 tỉnh/thành phố có giá trị DTI 2021 trên mức trung bình của cả khối tỉnh; 06/63 tỉnh/thành phố có giá trị đạt mức 0,5 trở lên.

- Xếp hạng chỉ số đánh giá chuyển đổi số (DTI) tỉnh Đắk Nông đạt giá trị 0,3509, tăng 13 bậc so với năm 2020 nằm trong nhóm các tỉnh/thành phố dưới mức trung bình của cả khối tỉnh; đứng thứ 41/63 tỉnh/thành phố, đứng thứ 04/5 đối với các tỉnh trong vùng Tây Nguyên. Kết quả trên đã phản ánh thực trạng chuyển đổi số của tỉnh có xu hướng phát triển nhưng chưa đồng đều giữa các chỉ số thành phần và vẫn chưa có sự bứt phá trong vùng Tây Nguyên.

II. XẾP HẠNG CÁC CHỈ SỐ CHÍNH NHƯ SAU:

	DTI 2021	Nhận thức số	Thế chế số	Hạ tầng số	Nhân lực số	ATTT mạng	Hoạt động CQS	Hoạt động KTS	Hoạt động XHS
Điểm	0,3509	0,2833	0,6	0,4228	0,0538	0,4623	0,3239	0,3490	0,3435
Hạng	41	61	10	42	58	12	52	34	18

Kết quả cho thấy các chỉ số về Nhận thức số, Nhân lực số, Nhóm chỉ số hoạt động của Chính quyền số còn rất thấp, chỉ số Hạ tầng số còn thấp. Trong khi đó, các chỉ số về Hoạt động kinh tế số ở mức trung bình, chỉ số về an toàn thông tin, thể chế số ở mức khá tốt.

- Xếp hạng theo 03 trụ cột như sau:

Trụ cột	Chính quyền số		Kinh tế số		Xã hội số	
	2020	2021	2020	2021	2020	2021
Điểm	0,262	0,3527	0,2916	0,3461	0,2833	0,3594
Hạng	60	46	50	45	30	37
Tăng/giảm bậc	+14		+5		-7	

Kết quả đánh giá theo 03 trụ cột, tỉnh đã cải thiện được về điểm số của cả 03 trụ cột; tuy nhiên, chỉ có thứ hạng về Chính quyền số, Kinh tế số được cải thiện, thứ hạng về xã hội số bị giảm.

PHẦN II. PHÂN TÍCH KẾT QUẢ DTI NĂM 2021 VÀ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NHIỆM VỤ NĂM 2022

I. Nhận thức số

1. Đánh giá chỉ số Nhận thức số

- Có giá trị 0,2833, là nhóm chỉ số có xếp hạng thấp nhất 61/63 tỉnh, thành phố, gồm 10 chỉ số thành phần, trong đó có 07 chỉ số thành phần không có điểm do trong năm 2021, tỉnh chưa có chuyên trang cấp tỉnh về chuyển đổi số, cơ quan báo chí của tỉnh và hệ thống truyền thanh cơ sở chưa có và duy trì chuyên mục riêng về chuyển đổi số, cụ thể:

1	Chỉ số thành phần	Nguyên nhân	Trách nhiệm của đơn vị
1.1	Có chuyên trang cấp tỉnh về chuyển đổi số	Tỉnh chưa có chuyên trang về chuyển đổi số	Sở Thông tin và Truyền thông
1.2	Cổng thông tin điện tử của Tỉnh, thành phố có chuyên mục riêng về chuyển đổi số	Cổng TTĐT chưa có chuyên mục riêng về chuyển đổi số Năm 2022: Đã đạt	Sở Thông tin và Truyền thông
1.3	Cơ quan báo chí của Tỉnh, thành phố có chuyên mục riêng về chuyển đổi số	Chưa có chuyên mục riêng về chuyển đổi số Năm 2022: Đã đạt	Báo Đắk Nông, Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh
1.4	Đài Phát thanh truyền hình của Tỉnh, thành phố có chuyên mục riêng về chuyển đổi số	Chưa có chuyên mục riêng về chuyển đổi số Năm 2022: Đã đạt	Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh
1.5	Tần suất Đài Phát thanh và Truyền hình của Tỉnh, thành phố phát sóng chuyên mục riêng về chuyển đổi số	Chưa thực hiện Năm 2022: Đã đạt (tần suất 04 số/tháng)	Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh

1.6	Hệ thống truyền thanh cơ sở có chuyên mục riêng về chuyển đổi số	Chưa có chuyên mục riêng về chuyển đổi số	UBND các huyện, thành phố Gia Nghĩa
1.7	Tần suất hệ thống truyền thanh cơ sở phát sóng chuyên mục riêng về chuyển đổi số	Chưa thực hiện	

2. Tình hình thực hiện

a) Kết quả đạt được

Ban chỉ đạo chuyển đổi số của tỉnh

- Đã kiện toàn Ban chỉ đạo chuyển đổi số (sau đây viết tắt là BCĐ) theo Quyết định số 386/QĐ-UBND ngày 16/02/2022 của UBND tỉnh, trong đó, Trưởng BCĐ là Chủ tịch UBND tỉnh, 04 phó trưởng BCĐ là các phó Chủ tịch UBND tỉnh, Trưởng Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy và 38 ủy viên là Thủ trưởng các Sở, ngành, địa phương và doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực viễn thông và công nghệ thông tin trên địa bàn tỉnh.

- Ban chỉ đạo chuyển đổi số của tỉnh đã ban hành Kế hoạch hoạt động trong năm 2022 tại Kế hoạch số 348/KH-BCĐ ngày 17/6/2022, trong đó bám sát theo kế hoạch hoạt động của Ủy ban quốc gia về chuyển đổi số tại Quyết định số 27/QĐ-UBQGCS ngày 15/3/2022.

Ngày chuyển đổi số

- Ngày 01/11 hàng năm là Ngày Chuyển đổi số tỉnh Đắk Nông tại Quyết định số 762/QĐ-UBND ngày 25/4/2022 của UBND tỉnh. Theo đó, tỉnh cũng đã bám sát theo hoạt động hưởng ứng năm 2022 do Bộ Thông tin và Truyền thông, trong đó tập trung vào các sáng kiến mang lại lợi ích thiết thực cho người dân; thúc đẩy, quảng bá toàn dân sử dụng sản phẩm, dịch vụ số Việt Nam; thúc đẩy phổ cập kỹ năng số, giúp người dân được thụ hưởng kết quả chuyển đổi số.

- Đã ban hành Kế hoạch số 531/KH-UBND ngày 19/9/2022 về việc tổ chức các hoạt động hưởng ứng Ngày Chuyển đổi số quốc gia năm 2022 trên địa bàn tỉnh Đắk Nông. Theo đó, gồm 04 hoạt động là hoạt động tuyên truyền, truyền thông; Tổ chức Ngày Chuyển đổi số tỉnh Đắk Nông năm 2022; Tổ chức ra quân phổ biến, hỗ trợ người dân cài đặt, sử dụng sản phẩm dịch vụ số; Tổ chức hoạt động của các doanh nghiệp.

Các kênh tuyên truyền

- Tất cả các cơ quan báo, đài của tỉnh và Công thông tin điện tử tỉnh đã có chuyên mục tuyên truyền về chuyển đổi số (Báo Đắk Nông, Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh, Cổng TTĐT tỉnh). Từ đầu năm 2022, Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh đã mở chuyên mục Cuộc sống số với tần suất 4 số/tháng và các tin bài, phóng sự; Cổng Thông tin điện tử tỉnh kịp thời thông tin về kết quả, chính sách của Đảng, Nhà nước về công cuộc Chuyển đổi số của tỉnh cũng như toàn quốc. Báo Đắk Nông duy trì chuyên mục “Chuyển đổi số” trên báo in và điện tử của đơn vị.

- Có 27/27 đơn vị (đạt tỷ lệ 100%) có triển khai tuyên truyền về chuyển đổi số trên trang thông tin điện tử, trong đó, có 23/27 đơn vị có chuyên mục riêng tuyên truyền về chuyển đổi số trên trang thông tin điện tử.

- Ngoài ra, công tác tuyên truyền về chuyển đổi số cũng được triển khai trên mạng xã hội thông qua kênh zalo Chuyển đổi số tỉnh Đắk Nông đã thu hút được 162 người theo dõi kênh, fanpage facebook Chuyển đổi số tỉnh Đắk Nông với 284 người theo dõi.

- Thường xuyên ban hành hướng dẫn triển khai Chuyển đổi số năm 2022 cho các cơ quan, đơn vị, địa phương trên địa bàn tỉnh.

b) Hạn chế

- Tỉnh chưa có chuyên trang riêng để thực hiện công tác tuyên truyền về chuyển đổi số theo hướng dẫn của Bộ Thông tin và Truyền thông.

- Công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức số tại một số đơn vị chưa sâu sắc, chưa đạt được hiệu quả. Cán bộ, công chức, viên chức của một số đơn vị chưa nắm bắt được các nhiệm vụ chuyển đổi số của đơn vị, ngành.

- Hình thức thực hiện tuyên truyền, phổ biến theo cách thức truyền thống là tổ chức hội nghị, hội thảo hoặc tuyên truyền, phổ biến các nội dung chung chung, chưa gắn với yêu cầu thực tiễn của ngành, địa phương.

- Số người tham gia kênh truyền thông về chuyển đổi số còn rất hạn chế, ước tính đạt khoảng 0,9% so với tổng số cán bộ, công chức, viên chức và khoảng 2,8% so với tổng số thành viên của tổ công nghệ số cộng đồng trên địa bàn tỉnh.

3. Giải pháp khắc phục

- Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh, Báo Đắk Nông tiếp tục duy trì các chuyên trang, chuyên mục riêng về chuyển đổi số và tần suất phát các chương trình liên quan về chuyển đổi số ít nhất 01 lần/tuần;

- Sở Thông tin và Truyền thông hướng dẫn, đôn đốc; Chủ tịch UBND cấp huyện (Trưởng ban chỉ đạo CDS cấp huyện) chỉ đạo Trung tâm Văn hóa, Thể thao và Truyền thông, Đài Truyền thanh cấp huyện, Đài truyền thanh cấp xã xây dựng các chuyên trang về chuyển đổi số và tăng tần suất phát về CDS trên các hệ thống truyền thanh cơ sở ở địa phương ít nhất 01 lần/tuần (Nguyên nhân là do chưa có Kế hoạch triển khai).

- Yêu cầu các đơn vị khẩn trương triển khai chuyên mục tuyên truyền về chuyển đổi số trên trang thông tin điện tử, đồng thời, thực hiện tuyên truyền bằng các hình thức khác nhau như mạng xã hội (zalo, facebook), qua hệ thống truyền thanh cơ sở, trang thông tin điện tử, ... Đồng thời, chỉ đạo cán bộ, công chức, viên chức và người lao động các cấp tham gia vào kênh truyền thông chuyển đổi số của tỉnh để được cập nhật kịp thời thông tin với nhất về chuyển đổi số phục vụ công tác bằng cách sử dụng Zalo và thực hiện quét mã QR.

II. Thể chế số

1. Đánh giá chỉ số Thể chế số

Có giá trị 0,6; là nhóm chỉ số có xếp hạng cao nhất 10/63 tỉnh/thành phố, gồm 11 chỉ số thành phần, trong đó có 04 chỉ số thành phần không có điểm do trong năm 2021, tỉnh chưa có ban hành Kế hoạch về chuyển đổi số năm 2021, chính sách thuê chuyên gia chuyển đổi số và các chính sách về quản lý chi cho chuyển đổi số..., cụ thể:

2	Chỉ số thành phần	Nguyên nhân	Trách nhiệm của đơn vị
2.1	Kế hoạch về chuyển đổi số năm 2021	Mới chỉ ban hành kế hoạch phát triển chính quyền số năm 2021	Sở Thông tin và Truyền thông
2.2	Ban hành văn bản định kỳ hằng năm nhắc nhở, chấn chỉnh quản lý chi cho chuyển đổi số	Chưa có báo cáo riêng mà chỉ lồng ghép vào các chương trình, kế hoạch	Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính
2.3	Tổ chức hội nghị, bồi dưỡng, tập huấn định kỳ hằng năm phổ biến, quán triệt công tác chi cho chuyển đổi số	Chưa thực hiện	Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính
2.4	Ban hành chính sách thuê chuyên gia chuyển đổi số	Chưa có	Sở Thông tin và Truyền thông

2. Tình hình thực hiện

a) Kết quả đạt được

Tại tỉnh:

- Đã ban hành kế hoạch chuyển đổi số giai đoạn 05 năm tại Quyết định số 570/QĐ-UBND ngày 21/3/2022 của UBND tỉnh về ban hành Kế hoạch triển khai Nghị quyết số 09-NQ/TU ngày 01/11/2021 của Tỉnh ủy về Chuyển đổi số tỉnh Đắk Nông đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 và kế hoạch năm 2022 tại Quyết định số 231/QĐ-UBND ngày 26/01/2022 của UBND tỉnh về ban hành Kế hoạch chuyển đổi số và bảo đảm an toàn thông tin mạng tỉnh Đắk Nông năm 2022.

- Quyết định số 1552/QĐ-UBND ngày 19/9/2022 của UBND tỉnh về ban hành Bộ chỉ số đánh giá, xếp hạng Chuyển đổi số trong các cơ quan nhà nước tỉnh Đắk Nông.

- Thường xuyên rà soát, ban hành các văn bản, chương trình, kế hoạch về chuyển đổi số do Bộ Thông tin và Truyền thông chỉ đạo, hướng dẫn. Danh mục các văn bản quan trọng về chuyển đổi số do UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh ban hành.

Tại các cơ quan, đơn vị, địa phương:

- Cấp tỉnh: Có 19/19 Sở, ban, ngành ban hành kế hoạch thực hiện trong năm 2022, trong đó: có 13/19 đơn vị ban hành kế hoạch chuyển đổi số lồng ghép với kế hoạch phát triển chính quyền số, ứng dụng công nghệ thông tin; 10/19¹ đơn vị ban hành kế hoạch riêng về chuyển đổi số; 18/19 Sở, ban, ngành đã thành lập Ban/Tổ chỉ đạo chuyển đổi số (*Sở Tài nguyên và Môi trường chưa thành lập*). Một số ngành đã có kế hoạch chuyển đổi số của ngành, lĩnh vực mình gồm: ngành giáo dục và đào tạo, ngành công thương, ngành nông nghiệp.

- Cấp huyện: Có 08/08 huyện, thành phố Gia Nghĩa đã ban hành kế hoạch thực hiện trong năm 2022, trong đó: có 02/08 địa phương ban hành kế hoạch chuyển đổi số lồng ghép với kế hoạch phát triển chính quyền số, ứng dụng công nghệ thông tin; 06/08² địa phương ban hành kế hoạch riêng về chuyển đổi số. Có 08/08 địa phương đã thành lập Ban chỉ đạo chuyển đổi số.

b) Hạn chế:

- Kế hoạch hành động năm 2022 của nhiều Sở, ngành, địa phương còn thiếu chi tiết, chưa xác định rõ trách nhiệm và nguồn lực triển khai.

3. Giải pháp khắc phục

- Yêu cầu Sở Tài chính, Sở Kế hoạch - Đầu tư hướng dẫn cụ thể và tham mưu bố trí ngân sách đảm bảo chi cho chuyển đổi số của tỉnh với tỷ lệ khoảng 1% tổng chi ngân sách hàng năm và giai đoạn 2022-2025.

- Yêu cầu các đơn vị, chỉ đạo xây dựng Kế hoạch hành động chuyển đổi số năm 2023 trên cả 08 nhóm nhiệm vụ nhận thức số, thể chế số, hạ tầng số, nhân lực số, an toàn thông tin, hoạt động chính quyền số, hoạt động kinh tế số và hoạt động xã hội số. Thực hiện đôn đốc, giám sát thực hiện, định kỳ hàng năm thực hiện sơ kết, đánh giá tình hình thực hiện, trên cơ sở đó thực hiện cập nhật, điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp với tình hình thực tế.

III. Hạ tầng số

1. Đánh giá chỉ số Hạ tầng số

Có giá trị 0,4228, có xếp hạng 42/63 tỉnh/thành phố gồm 07 chỉ số thành phần, trong đó có 01 chỉ số không có điểm và 03 chỉ số đạt điểm dưới mức trung bình do Trung tâm Tích hợp dữ liệu của tỉnh phục vụ Chuyển đổi số theo hướng sử dụng công nghệ điện toán đám mây, mức độ triển khai các nền tảng số dùng chung và ứng dụng trí tuệ nhân tạo còn thấp..., cụ thể:

3	Hạ tầng số	Nguyên nhân	Trách nhiệm đơn vị
3.1	Tỷ lệ hộ gia đình có kết nối Internet băng rộng cáp quang	Tỷ lệ còn thấp 50,65%,	Sở Thông tin và Truyền thông

¹ Các Sở: Lao động - Thương binh và Xã hội, Khoa học và Công nghệ, Thông tin và Truyền thông, Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Nội vụ, Tài chính, Xây dựng, Y tế; Thanh tra tỉnh và Ban quản lý các KCN tỉnh.

² UBND các huyện: Đắk Song, Đắk G'long, K'rong Nô, Đắk Mil, Tuy Đức và UBND thành phố Gia Nghĩa.

3.2	Triển khai Trung tâm dữ liệu phục vụ Chuyển đổi số theo hướng sử dụng công nghệ điện toán đám mây	Đã triển khai theo hướng điện toán đám mây, chưa kết nối với Hệ thống của Chính phủ (<i>do chưa có hướng dẫn</i>)	Sở Thông tin và Truyền thông
3.3	Mức độ triển khai các nền tảng số dùng chung	Triển khai 03/16 nền tảng theo khuyến nghị của Bộ Thông tin và Truyền thông	Sở Thông tin và Truyền thông
3.4	Mức độ ứng dụng Trí tuệ nhân tạo (AI) trong nền tảng số	Hiện chỉ mới thí điểm AI trong hệ thống tổng đài tự động	Sở Thông tin và Truyền thông

2. Tình hình thực hiện

a) Kết quả đạt được

Triển khai hạ tầng số

- 100% xã, phường, thị trấn được kết nối cáp quang đến trung tâm;
- Phủ sóng 4G đến 97% thôn, buôn, bon;
- Tỷ lệ hộ gia đình có kết nối băng rộng cố định (BRCD): đạt 50,65%;
- Tỷ lệ hộ gia đình có máy tính: 23,17%;
- Tỷ lệ người dân sử dụng Internet: 73,08%;
- Tỷ lệ thuê bao điện thoại thông minh: 88,74%;
- Tỷ lệ người sử dụng điện thoại di động 2G (FP)/dân số: 9,37%
- Tỷ lệ thuê bao điện thoại di động (ĐTDD) sử dụng điện thoại thông minh (SMP)/100 dân: 106,6%
- 100% cơ sở giáo dục đã kết nối Internet băng thông rộng;
- Thuê bao BRCD/100 dân: đạt tỷ lệ 13,89 %;
- Thuê bao BRDD/100 dân: đạt tỷ lệ 75,12 %
- Các doanh nghiệp viễn thông di động đã triển khai phủ sóng được 06/10 vùng lõm sóng, thôn lõm sóng (*theo Công văn số 848/CVT-PTHT của Cục Viễn thông, Bộ Thông tin và Truyền thông*). Ngoài ra, trong 08 tháng năm 2022, các doanh nghiệp viễn thông di động đã triển khai phủ sóng thêm 17 thôn, bon, bản tại 07 huyện trên địa bàn tỉnh.
- Số thuê bao di động sử dụng dịch vụ Mobile Money tăng 02 lần so với tháng 01/2022.

STT	Đơn vị	Điểm nạp rút	Số cửa hàng số	Số tài khoản thanh toán số
1	Gia Nghĩa	102	455	11.594
2	Đắk Mil	135	269	6.661
3	Cư Jút	142	202	5.446
4	Krông Nô	134	188	4.534

5	Đắk Song	151	276	7.583
6	Đắk R'lấp	144	310	5.778
7	Tuy Đức	109	101	4.535
8	Đắk G'long	154	97	5.615
Tổng cộng:		1.071	1.898	51.746

b) Hạn chế:

- Việc xóa vùng lõm sóng viễn thông còn chậm theo tiến độ đề ra, các khu vực chưa xóa lõm sóng gồm: cụm 6,8,9 xã Đắk R'Măng, Bon B'nom, xã Đắk P'lao thuộc huyện Đắk G'long do có liên quan đến vị trí và quy hoạch.

- Việc triển khai thí điểm mạng di động 5G còn chậm tiến độ đặt ra.

3. Giải pháp khắc phục

- Yêu cầu Sở Thông tin và Truyền thông khẩn trương tham mưu UBND tỉnh lựa chọn, công bố các nền tảng dùng chung theo khuyến nghị của Bộ Thông tin và Truyền thông; Đồng thời tham mưu nâng cấp, bổ sung trung tâm dữ liệu của tỉnh đáp ứng yêu cầu sử dụng công nghệ điện toán đám mây và kết nối với hệ thống điện toán đám mây của Chính phủ khi có hướng dẫn.

- Yêu cầu các Sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố Gia Nghĩa phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông cập nhật dữ liệu ngành, địa phương vào các nền tảng dùng chung khi triển khai; Thúc đẩy sử dụng các nền tảng số phát triển kinh tế số, xã hội số ở ngành, địa phương, nhất là các nền tảng phục vụ chuyển đổi số cho doanh nghiệp nhỏ và vừa.

- Yêu cầu các doanh nghiệp viễn thông trên địa bàn tỉnh tăng cường triển khai các giải pháp nâng cao tỷ lệ người dân có điện thoại thông minh; hộ gia đình có cáp quang trên cơ sở đảm bảo chất lượng dịch vụ cung cấp.

- Yêu cầu các địa phương tạo điều kiện về cơ sở hạ tầng (địa điểm, điện lưới,...) để các doanh nghiệp viễn thông phủ sóng các vùng lõm; đưa cáp quang tới các thôn bản, đáp ứng nhu cầu của các hộ gia đình.

- Yêu cầu Viettel Đắk Nông sớm hoàn thiện các quy trình thủ tục để triển khai 5G trong năm 2022.

IV. Nhân lực số

1. Đánh giá chỉ số Nhân lực số

Có giá trị 0,0538, có xếp hạng 58/63 tỉnh/thành phố gồm 13 chỉ số thành phần; trong đó có 01 chỉ số thành phần đạt điểm dưới mức trung bình và 10 chỉ số thành phần không có điểm do trong năm 2021, tỉnh chưa triển khai thành lập các tổ công nghệ số cộng đồng cấp xã, thôn; Sở Thông tin và Truyền thông chưa có chức năng, nhiệm vụ, chưa có bộ phận về triển khai chuyển đổi số; Không thống kê được số lượng sinh viên được đào tạo về chuyển đổi số, cơ sở giáo dục, giáo dục nghề nghiệp chuyển đổi số, ...

4	Nhân lực số	Nguyên nhân	Trách nhiệm của đơn vị
4.1	Tổ công nghệ số cộng đồng đến mức xã	Do Bộ Thông tin và Truyền thông mới hướng dẫn thí điểm năm 2022; Hiện đã thành lập được 58/71 tổ	UBND các huyện, thành phố Gia Nghĩa
4.2	Tổ công nghệ số cộng đồng đến mức thôn, xóm	Do Bộ Thông tin và Truyền thông mới hướng dẫn thí điểm năm 2022; Hiện đã thành lập được 543/771 tổ	UBND các huyện, thành phố Gia Nghĩa
4.3	Sở Thông tin và Truyền thông có chức năng, nhiệm vụ về chuyển đổi số	Chưa có quyết định bổ sung vào chức năng, nhiệm vụ của Sở Thông tin và Truyền thông (do Bộ Thông tin và Truyền thông mới có hướng dẫn năm 2022)	Sở Thông tin và Truyền thông; Sở Nội vụ
4.4	Sở Thông tin và Truyền thông có bộ phận/đơn vị thực hiện nhiệm vụ về chuyển đổi số	Chưa có quyết định thành lập Phòng chuyên đổi số mà mới chỉ giao nhiệm vụ	Sở Thông tin và Truyền thông
4.5	Tỷ lệ công chức, viên chức chuyên trách, kiêm nhiệm về An toàn thông tin mạng	Tỷ lệ rất thấp	Sở Thông tin và Truyền thông ; Sở Nội vụ
4.6	Tỷ lệ công chức, viên chức được bồi dưỡng, tập huấn về chuyển đổi số	Năm 2021, chưa được bố trí kinh phí để triển khai	Sở Thông tin và Truyền thông
4.7	Tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp cao đẳng, đại học, sau đại học về chuyển đổi số	Chưa có	Sở Giáo dục và Đào tạo
4.8	Tỷ lệ người lao động được bồi dưỡng, tập huấn kỹ năng số	Chưa có	Sở Lao động, Thương binh và Xã hội
4.9	Số lượng người dân được phổ cập kỹ năng số cơ	Chưa có	UBND các huyện, thành phố Gia

	bản trên nền tảng đào tạo trực tuyến của Bộ Thông tin và Truyền thông (OneTouch)		Nghĩa
4.10	Tỷ lệ các cơ sở đào tạo đại học, cao đẳng, giáo dục nghề nghiệp thực hiện chuyển đổi số (hoàn thiện được mô hình quản trị số, hoạt động số, chuẩn hóa dữ liệu số, kho học liệu số mở)	Chưa có	Sở Giáo dục và Đào tạo
4.11	Tỷ lệ các cơ sở đào tạo đại học, cao đẳng, giáo dục nghề nghiệp thực hiện chuyển đổi số (hoàn thiện được mô hình quản trị số, hoạt động số, chuẩn hóa dữ liệu số, kho học liệu số mở)	Chưa có	Sở Giáo dục và Đào tạo; Sở Lao động Thương binh và Xã hội

2. Tình hình thực hiện

a) Kết quả đạt được

- Đã ban hành Kế hoạch triển khai Đề án nâng cao nhận thức, phổ cập kỹ năng và phát triển nguồn nhân lực chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 tại Kế hoạch 180/KH-UBND ngày 06/4/2022.

- Đã tổ chức 03 lớp tập huấn Nâng cao năng lực chuyển đổi số - Hướng đến một quốc gia số toàn diện cho 173 đại biểu là lãnh đạo của các ban đảng của Tỉnh ủy, lãnh đạo các cơ quan ngành dọc của Trung ương đóng chân trên địa bàn tỉnh, thành viên Ban chỉ đạo chuyển đổi số tỉnh, Chủ tịch UBND các xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh; 39 đại biểu là đại diện của các doanh nghiệp vừa và nhỏ, hộ sản xuất kinh doanh, hợp tác xã trên địa bàn tỉnh; 250 đại biểu và trực tuyến tại 70 điểm cầu, trong đó có 07 điểm cầu tại UBND huyện và 63 điểm cầu tại UBND các xã, phường, thị trấn với sự tham gia khoảng 1500 đại biểu.

- Tại Hội nghị báo cáo viên Trung ương tháng 07/2022, Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy đã phối hợp mời các chuyên gia đầu ngành về chuyển đổi số của Trung ương về quán triệt, đặc biệt triển khai cho đội ngũ cán bộ chủ chốt từ tỉnh, huyện và 100% xã, phường, thị trấn...

- Hiện nay, 100% cơ quan cấp tỉnh, cấp huyện có chuyên trách hoặc giao phụ trách công nghệ thông tin. Chuyên trách công nghệ thông tin có trình độ chuyên ngành CNTT, cụ thể: đại học là 25/28, đạt tỷ lệ 89,29%; cao đẳng: 02/28, đạt tỷ lệ 7,14%; có trình độ khác: 01/28, chiếm 3,57%.

- Đã hoàn thành việc thành lập 100% tổ công nghệ số cộng đồng cấp xã, thôn, cụ thể: 71/71 tổ công nghệ số cộng đồng cấp xã với khoảng 750 thành

viên, 713/713 Tổ công nghệ số cộng đồng cấp thôn với 3.368 thành viên là cán bộ Ban tự quản và hội đoàn thể các thôn, tổ dân phố.

- Đã có hướng dẫn các địa phương phổ cập kỹ năng số cho tổ công nghệ số cộng đồng trên Nền tảng học trực tuyến mở đại trà do Bộ Thông tin và Truyền thông triển khai.

b) Hạn chế:

- Chỉ số Nhân lực số khó có các biện pháp khắc phục, do trên địa bàn tỉnh chưa có trường Đại học đào tạo về chuyển đổi số tại chỗ và với điều kiện kinh tế của tỉnh còn hạn chế, chưa thu hút nguồn nhân lực trình độ công nghệ thông tin.

- Nguồn nhân lực tham mưu quản lý nhà nước, triển khai Chuyển đổi số tại Sở Thông tin và Truyền thông còn thiếu và còn hạn chế về năng lực.

- Việc triển khai Tổ công nghệ số cộng đồng đã được chú trọng; tuy nhiên, hoạt động của tổ công nghệ số cộng đồng còn chưa phát huy được hiệu quả thiết thực.

3. Giải pháp khắc phục

- Yêu cầu các địa phương rà soát, quyết định thành lập các tổ công nghệ số cộng đồng theo hướng dẫn của Sở Thông tin và Truyền thông, chỉ đạo hoạt động hiệu quả các tổ công nghệ số cộng đồng, tham gia đầy đủ các chương trình tập huấn trực tuyến trên cổng đào tạo <https://onetouch.mic.gov.vn/> của Bộ Thông tin và Truyền thông theo các chương trình Bộ Thông tin và Truyền thông tổ chức; ưu tiên tuyển dụng, bố trí cán bộ chuyên trách về CDS, an toàn thông tin mạng, ...; cử cán bộ, công chức, viên chức tham gia đầy đủ các lớp tập huấn về CDS do tỉnh tổ chức, đồng thời hàng năm chủ động tổ chức các buổi tập huấn tại đơn vị, địa phương (*ngoài các chương trình chung của tỉnh*); Phối hợp triển khai các chương trình đào tạo, tập huấn kỹ năng số cho công dân trên địa bàn.

- Yêu cầu Sở Thông tin và Truyền thông phối hợp với Sở Nội vụ tham mưu UBND tỉnh quyết định bổ sung chức năng, nhiệm vụ về chuyển đổi số vào Chức năng, nhiệm vụ của Sở theo Thông tư số 11/2022/TT-BTTTT ngày 29/7/2022 của Bộ Thông tin và Truyền thông.

- Yêu cầu Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Lao động, Thương binh và Xã hội theo chức năng, nhiệm vụ xây dựng kế hoạch hoặc tham mưu UBND tỉnh kế hoạch thúc đẩy tăng tỷ lệ các cơ sở đào tạo cao đẳng, giáo dục nghề nghiệp, cơ sở giáo dục từ tiểu học đến trung học phổ thông thực hiện chuyển đổi số (hoàn thiện được mô hình quản trị số, hoạt động số, chuẩn hóa dữ liệu số, kho học liệu số mở), đảm bảo tỷ lệ theo chương trình chuyển đổi số của tỉnh đến năm 2025 và định hướng đến năm 2030.

V. An toàn, an ninh mạng

1. Đánh giá chỉ số An toàn thông tin mạng

Có giá trị 0,4623, có xếp hạng 12/63 tỉnh/thành phố gồm 12 chỉ số thành phần, trong đó có 02 chỉ số thành phần đạt điểm dưới mức trung bình và 06 chỉ số thành phần không có điểm do trong năm 2021, các biện pháp an toàn thông tin chưa được các cơ quan, đơn vị thực sự quan tâm và đầu tư, cụ thể: Số lượng

hệ thống thông tin đã được phê duyệt hồ sơ.

5	An toàn thông tin mạng	Nguyên nhân	Trách nhiệm đơn vị
5.1	Số lượng hệ thống thông tin đã được phê duyệt hồ sơ đề xuất cấp độ	08/27 cơ quan, đơn vị thực hiện hồ sơ phê duyệt cấp độ. Các cơ quan, đơn vị vẫn chưa thực sự quan tâm đến việc đảm bảo an toàn hệ thống thông tin cho đơn vị mình.	Sở Thông tin và Truyền thông
5.2	Số lượng hệ thống thông tin của cơ quan nhà nước được giám sát trực tiếp và kết nối chia sẻ dữ liệu với Trung tâm Giám sát an toàn không gian mạng quốc gia (NCSC)	Các cơ quan, đơn vị vẫn chưa thực sự quan tâm đến việc đảm bảo an toàn hệ thống thông tin cho đơn vị mình.	Các Sở, ban, ngành
5.3	Số lượng hệ thống thông tin của cơ quan nhà nước đã được kiểm tra, đánh giá đầy đủ các nội dung theo quy định tại Thông tư số 03/2017/TT-BTTTT ngày 24/4/2017	Thiếu báo cáo kết quả giám sát đối với từng hệ thống thông tin.	Sở Thông tin và Truyền thông
5.4	Số lượng các phương án ứng cứu xử lý sự cố tấn công mạng	Không có phương án nào	Sở Thông tin và Truyền thông
5.5	Số lượng các cuộc diễn tập được triển khai	Không tổ chức diễn tập	Sở Thông tin và Truyền thông
5.6	Số lượng sự cố đã phát hiện trong cơ quan nhà nước	Theo số liệu của VNCERT, NCSC trong năm 2021, tỉnh có 10 sự cố; tuy nhiên không đảm bảo năng lực phát hiện	Sở Thông tin và Truyền thông
5.7	Số lượng sự cố đã xử lý trong cơ quan nhà nước	Theo số liệu đối soát của VNCERT, NCSC trong năm 2021, tỉnh có 10 sự cố; tuy nhiên không có sự cố nào được khắc phục.	Sở Thông tin và Truyền thông
5.8	Tổng kinh phí chi cho an toàn thông tin (ATTT)	Chi 10,6 tỷ đồng cho ATTT	Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính

2. Tình hình thực hiện

a) Kết quả đạt được

- Đã triển khai kiểm tra, đánh giá an toàn thông tin theo quy định của Nghị định số 85/2016/NĐ-CP và Thông tư số 03/2017/TT-BTTTT cho 10/27 Sở, ngành, UBND cấp huyện (đạt tỷ lệ 37%) gồm: Trung tâm Tích hợp dữ liệu tỉnh, Sở Khoa học và công nghệ, Sở Tài chính, Sở Công thương, Sở Xây dựng, Sở Giao thông vận tải, Sở Tư pháp, Ban Dân tộc, Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Xây dựng.

- Triển khai Hệ thống giám sát an toàn thông tin mạng (SOC) cho 63/63 máy chủ tại Trung tâm tích hợp dữ liệu tỉnh và kết nối với hệ thống giám sát an toàn thông tin mạng quốc gia.

- Tổng số máy tính trong các cơ quan, đơn vị, địa phương được triển khai phần mềm phòng, chống mã độc tập trung của tỉnh là 989 máy tính (đạt tỷ lệ khoảng 28%). Hệ thống giám sát mã độc tập trung kết nối và chia sẻ dữ liệu thường xuyên với hệ thống giám sát an toàn thông tin mạng quốc gia.

b) Hạn chế:

- Vẫn còn một số cơ quan, đơn vị, người đứng đầu chưa quan tâm đúng mức đến việc triển khai các giải pháp an toàn thông tin, giải pháp an toàn dữ liệu.

- Nhân lực an toàn thông tin mạng chưa đáp ứng yêu cầu, chủ yếu là cán bộ phụ trách công nghệ thông tin tại các đơn vị, kiêm nhiệm nhiều nhiệm vụ.

- Tỷ lệ máy tính được cài đặt phần mềm phòng chống mã độc tập trung trên toàn tỉnh còn thấp, chưa đảm bảo theo yêu cầu của Bộ Thông tin và Truyền thông.

3. Giải pháp khắc phục

- Yêu cầu các Sở, ngành, địa phương rà soát, hoàn thiện hồ sơ đánh giá an toàn cấp độ hệ thống thông tin theo quy định của Bộ Thông tin và Truyền thông trong năm 2022; Đảm bảo 100% máy tính làm việc trong các cơ quan nhà nước ở các cơ quan, đơn vị phải cài đặt phần mềm phòng chống mã độc và được kết nối về trung tâm giám sát ATTT mạng của tỉnh và của Bộ Thông tin và Truyền thông. Đảm bảo ATTT mạng ở cơ quan, đơn vị và địa phương mình, không để xảy ra tình trạng mất an toàn thông tin mạng và nhiễm mã độc; Kịp thời chỉ đạo tổ chức trực thuộc xử lý nhiễm mã độc theo hướng dẫn của Sở Thông tin và Truyền thông.

- Yêu cầu Sở Thông tin và Truyền thông tham mưu UBND tỉnh thực hiện đầy đủ các bước, giải pháp trong việc giám sát ATTT mạng các hệ thống thông tin của tỉnh như đảm bảo 04 bước ATTT, đánh giá HTTT hàng năm, kết nối báo cáo với hệ thống giám sát ATTT mạng Quốc gia, theo dõi, giám sát ATTT ở các cơ quan, đơn vị, địa phương,...; Tham mưu nâng cao chất lượng đội ứng cứu ATTT mạng của tỉnh,...

- Yêu cầu Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư tham mưu bố trí ngân sách thực hiện công tác đảm bảo ATTT mạng của tỉnh theo đề xuất của Sở Thông tin và Truyền thông và các cơ quan, đơn vị, địa phương theo quy định. Đảm bảo chi

cho ATTT mạng không dưới 10% tổng chi cho ứng dụng CNTT, chuyển đổi số của tỉnh.

- Tổ chức phổ biến, quán triệt tới toàn bộ các tổ chức, cá nhân liên quan về nguyên tắc, giải pháp bảo đảm an toàn, an ninh mạng, đó là: Hệ thống thông tin chưa kết luận bảo đảm an toàn, an ninh mạng chưa đưa vào sử dụng; Hệ thống thử nghiệm, có dữ liệu thật thì phải tuân thủ đầy đủ quy định như hệ thống chính thức.

- Tổ chức xác định, phân loại và phê duyệt Hồ sơ đề xuất cấp độ của 100% các hệ thống thông tin thuộc phạm vi quản lý.

- Yêu cầu Sở Thông tin và Truyền thông triển khai, tăng cường tổ chức diễn tập thực chiến về an toàn thông tin theo hướng dẫn của Bộ Thông tin và Truyền thông. Đánh giá và đề xuất UBND tỉnh cho dừng các hệ thống thông tin không bảo đảm an toàn thông tin mạng theo quy định của pháp luật từ ngày 01/01/2023.

VI. CHÍNH QUYỀN SỐ

1. Đánh giá chỉ số Hoạt động chính quyền số

Có giá trị 0,3239, có xếp hạng 52/63 tỉnh/thành phố gồm 22 chỉ số thành phần, trong đó có 05 chỉ số thành phần đạt điểm dưới mức trung bình và 12 chỉ số thành phần không có điểm do Hệ thống Cổng thông tin điện tử của tỉnh, công dịch vụ công trực tuyến chưa đáp ứng yêu cầu kỹ thuật theo quy định; tỷ lệ dịch vụ công được điền sẵn thông tin, cá thể hóa và xử lý trực tuyến chưa triển khai hoặc rất thấp. Tỉnh chưa có hoạt động nghiệp vụ quản lý nhà nước có ứng dụng AI để phân tích, xử lý dữ liệu tổng hợp tập trung phục vụ quản lý, ra quyết định...

6	Hoạt động chính quyền số	Nguyên nhân	Trách nhiệm của đơn vị
6.1	Cổng thông tin điện tử đáp ứng yêu cầu chức năng, tính năng kỹ thuật theo quy định	Theo thẩm định của Bộ Thông tin và Truyền thông, Cổng TTĐT tỉnh chưa đảm bảo theo các chức năng, kỹ thuật theo quy định, chưa chuyển đổi sang công nghệ IPv6	Sở Thông tin và Truyền thông
6.2	Triển khai Cổng dữ liệu mở	Chưa triển khai	Sở Thông tin và Truyền thông
6.3	Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính đáp ứng yêu cầu chức năng, tính năng kỹ thuật theo quy định	Theo thẩm định của Bộ Thông tin và Truyền thông, Cổng DVCTT tỉnh chưa đảm bảo theo các chức năng, kỹ thuật theo quy định, chưa chuyển đổi sang công nghệ IPv6	Văn phòng UBND tỉnh

6.4	Triển khai kênh số khác (ngoài Cổng TTĐT và Cổng DVC) để cung cấp thông tin và DVCTT	Chưa triển khai cung cấp dịch vụ công trực tuyến trên các kênh số khác như ứng dụng người dân, ứng dụng khác...	Sở Thông tin và Truyền thông
6.5	Tỷ lệ số dịch vụ dữ liệu có trên Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia (NDXP) được đưa vào sử dụng chính thức tại Tỉnh, thành phố	Tỉnh mới khai thác 05/10 dịch vụ dữ liệu có trên NDXP	Sở Thông tin và Truyền thông
6.6	Tỷ lệ DVCTT được điền sẵn thông tin	Không có DVCTT 3, 4 được điền sẵn thông tin và người dân, doanh nghiệp không cần khai báo lại	Văn phòng UBND tỉnh
6.7	Tỷ lệ DVCTT được cá thể hóa	Không có DVCTT 3, 4 được cá thể hóa	Văn phòng UBND tỉnh
6.8	Tỷ lệ hồ sơ xử lý trực tuyến	Tỷ lệ hồ sơ xử lý trực tuyến còn thấp	Văn phòng UBND tỉnh
6.9	Tỷ lệ tài khoản của người dân, doanh nghiệp có sử dụng DVCTT mức độ 3, 4 trong năm	Không thống kê được số lượng tài khoản	Văn phòng UBND tỉnh
6.1	Mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp khi sử dụng DVCTT	Số liệu theo Báo cáo số 82/BC-TTHCC ngày 30/11/2021 (99,5% hài lòng) không đủ cơ sở đánh giá	Văn phòng UBND tỉnh
6.11	Triển khai nền tảng phân tích, xử lý dữ liệu tổng hợp tập trung	Chưa triển khai	Sở Thông tin và Truyền thông
6.12	Triển khai nền tảng số quản trị tổng thể, thống nhất toàn Tỉnh, thành phố phục vụ hoạt động chỉ đạo, điều hành và quản trị nội bộ của cơ quan nhà nước	Chưa triển khai	Sở Thông tin và Truyền thông
6.13	Triển khai nền tảng giám sát trực tuyến phục vụ công tác quản lý nhà nước	Chưa triển khai	Sở Thông tin và Truyền thông

6.14	Triển khai nền tảng trợ lý ảo phục vụ người dân, doanh nghiệp	Tỉnh đã triển khai nền tảng trợ lý ảo phục vụ người dân và doanh nghiệp. Tuy nhiên, chưa thực hiện cá thể hóa theo nhu cầu của cá nhân	Sở Thông tin và Truyền thông
6.15	Triển khai nền tảng trợ lý ảo phục vụ công chức, viên chức	Chưa triển khai	Sở Thông tin và Truyền thông
6.16	Mức độ ứng dụng Trí tuệ nhân tạo (AI) trong hoạt động của chính quyền số	Tỉnh chưa có hoạt động nghiệp vụ quản lý nhà nước có ứng dụng AI để phân tích, xử lý dữ liệu tổng hợp tập trung phục vụ quản lý, ra quyết định	Sở Thông tin và Truyền thông
6.17	Tổng chi Ngân sách nhà nước cho chính quyền số	Theo thống kê sơ bộ của Sở Thông tin và Truyền thông thì tỷ lệ chi cho chính quyền số thấp hơn 1%	Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính

2. Tình hình thực hiện

a) Kết quả đạt được

Các hệ thống nền tảng, phát triển dữ liệu ứng dụng, dịch vụ:

- Tỉnh đã xây dựng Nền tảng chia sẻ, tích hợp của tỉnh (LGSP) và Kho dữ liệu dùng chung theo Kiến trúc Chính quyền điện tử tỉnh Đắk Nông phiên bản 2.0. đã kết nối với Chính phủ, kết nối cơ sở dữ liệu quốc gia về Đăng ký doanh nghiệp, cơ sở dữ liệu quốc gia về bảo hiểm, hệ thống cấp phiếu lý lịch tư pháp trực tuyến, ... phục vụ phát triển Chính quyền số.

Về triển khai ứng dụng Nền tảng dữ liệu số nông nghiệp trên địa bàn tỉnh (theo Kế hoạch hoạt động của Ủy ban Quốc gia về Chuyển đổi số năm 2022 tại Quyết định số 27/QĐ-UBQGCS ngày 15/3/2022)

UBND tỉnh đã giao Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn chủ trì, phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông, các ngành, địa phương triển khai thực hiện chuyển đổi số ngành Nông nghiệp tỉnh Đắk Nông. Hiện nay, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đang thu thập thông tin để tiến hành xây dựng cơ sở dữ liệu ngành nông nghiệp. Tiến hành đăng ký sử dụng tên miền cho Hệ thống thông tin ngành nông nghiệp (bản Demo) để tiến hành chạy thử và nhập dữ liệu của ngành nông nghiệp.

- *Cổng thông tin dữ liệu đất đai:* Hiện nay, đã triển khai công tác đo đạc, kê khai đăng ký, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên địa bàn tỉnh. Trong đó các huyện: Đắk R'lấp; Tuy Đức; Đắk G'long, Đắk Song và Đắk Mil đã hoàn thành công tác đo đạc, đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất,

tuy nhiên đến thời điểm hiện tại tỉnh mới hoàn thành việc xây dựng cơ sở dữ liệu địa chính huyện Đắk Rlấp (huyện điểm), các huyện còn lại đang tiếp tục thực hiện công tác xây dựng cơ sở dữ liệu quản lý đất đai. Ngoài ra, các huyện: Cư Jút; Krông Nô và thành phố Gia Nghĩa đã thực hiện xong công tác đo đạc và đang tiến hành triển khai đăng ký, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Hệ thống quản lý văn bản và điều hành (phiên bản 5.0):

- Hiện nay, 100% cơ quan, đơn vị nhà nước cấp tỉnh đến cấp xã và kết nối với 100% cơ quan Khối Chính quyền từ cấp tỉnh đến cấp xã đều gửi nhận văn bản điện tử qua môi trường mạng và đã liên thông với trực liên thông văn bản quốc gia của Văn phòng Chính phủ, các Bộ, ngành. Hệ thống đã liên thông với một số đơn vị ngành dọc như: Bảo hiểm xã hội, Cục Thuế tỉnh, Kho bạc nhà nước, Ngân hàng Nhà nước, Cục Thống kê. Tuy nhiên, còn chưa liên thông với các ngành: Công an, Quân sự, Biên phòng, Tòa án, Kiểm sát, Thi hành án.

Việc triển khai dịch vụ công trực tuyến:

- Tỉnh đã ban hành chính sách thúc đẩy người dân, doanh nghiệp sử dụng dịch vụ công trực tuyến trên địa bàn tỉnh Đắk Nông năm 2022 tại Kế hoạch số 352/KH-UBND ngày 21/6/2022 của UBND tỉnh.

- 08/08 huyện, thành phố; 13/19 Sở, ban, ngành (đạt tỷ lệ 68,4%) trên địa bàn tỉnh đã triển khai niêm yết thủ tục hành chính bằng mã QR-code.

- Cổng dịch vụ công trực tuyến (DVCTT) của tỉnh đã tích hợp ứng dụng một cửa điện tử liên thông của tỉnh, cung cấp 312 dịch vụ công mức độ 3 và 646 dịch vụ công mức độ 4. Đã thực hiện kết nối thành công 437 thủ tục hành chính của tỉnh lên Cổng dịch vụ công Quốc gia.

- Tỷ lệ DVCTT phát sinh hồ sơ mức độ 3 là 39,9%, mức độ 4 là 31,5%. Tỷ lệ hồ sơ tiếp nhận và xử lý trực tuyến mức độ 3 là 58,2%, mức độ 4 là 82,1%. Các đơn vị có tỷ lệ DVCTT phát sinh hồ sơ, tỷ lệ hồ sơ tiếp nhận và xử lý trực tuyến cao nhất gồm: Sở Giao thông vận tải, Sở Lao động, Thương binh và Xã hội, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, huyện Cư Jút.

Việc triển khai cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư:

Tỉnh đang phối hợp với Bộ Công an thực hiện kiểm tra, đánh giá an toàn thông tin để kết nối, khai thác cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư.

Cơ sở dữ liệu về đoàn viên, thanh niên:

- Đã triển khai thu thập, số hóa dữ liệu 28.514/31.181 Đoàn viên thanh niên, tỷ lệ 91,53% (Top 10 tỉnh đã số hóa dữ liệu Đoàn viên thanh niên) phục vụ công tác quản lý Đoàn viên thanh niên trên địa bàn tỉnh.

b) Hạn chế:

- Việc kết nối, chia sẻ dữ liệu hai chiều từ hệ thống thông tin của tỉnh với các cơ sở dữ liệu quốc gia còn nhiều vướng mắc, do mức độ sẵn sàng từ phía hệ thống thông tin của các bộ, ngành, địa phương khác nhau.

- Việc cung cấp, sử dụng dịch vụ công trực tuyến tuy có những chuyển biến tích cực về số lượng, nhưng chưa đáng kể, chưa đạt mục tiêu đã đề ra.

- Các nền tảng quan trọng như nền tảng số nông nghiệp, đất đai triển khai còn chậm, có nguy cơ không đạt mục tiêu đã đề ra.

- Hạ tầng công nghệ thông tin tại các cơ quan, đơn vị, địa phương nhất là bộ phận một cửa còn hạn chế, chưa bảo đảm tốt nhất cho triển khai Đề án 06 và dịch vụ công trực tuyến.

3. Giải pháp khắc phục

- Yêu cầu Sở Thông tin và Truyền thông:

+ Chủ trì tham mưu nâng cấp Cổng thông tin điện tử tỉnh; Xây dựng công dữ liệu mở của tỉnh hướng đến nền tảng cơ sở dữ liệu của tỉnh và kết nối với công dữ liệu mở quốc gia, đưa các dữ liệu mở của tỉnh lên cổng và tham mưu ban hành quy định chia sẻ dữ liệu cho người dân và doanh nghiệp (*hoàn thành trong năm 2023*); Triển khai đầy đủ và hiệu quả việc liên thông các dịch vụ dữ liệu từ LGSP qua NDXP để khai thác các CSDL của các Bộ, ngành ở Trung ương.

+ Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính đề xuất UBND tỉnh nâng cấp, mở rộng kết nối với Hệ thống quản lý văn bản và điều hành cho các đơn vị có nhu cầu kết nối, theo hướng các đơn vị ngành dọc, các đơn vị sự nghiệp tự chủ về tài chính tự thực hiện.

- Yêu cầu các Sở, ngành, địa phương:

+ Khẩn trương triển khai các giải pháp nâng cao hiệu quả cung cấp, sử dụng dịch vụ công trực tuyến đạt mục tiêu đến hết 2022 theo Kế hoạch số 352/KH-UBND ngày 21/6/2022 của UBND tỉnh. Trong đó, chú trọng việc giao chỉ tiêu, trách nhiệm cụ thể cho các cơ quan nhà nước cung cấp dịch vụ công trực tuyến hiệu quả (như tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến phát sinh hồ sơ, tỷ lệ hồ sơ xử lý trực tuyến); Triển khai các hình thức tuyên truyền nâng cao nhận thức, hướng dẫn người dân sử dụng các dịch vụ công trực tuyến;

+ Tuyên truyền, hướng dẫn người dân biết sử dụng dịch vụ bưu chính công ích (BCCI) trong việc tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC; Tăng tỷ lệ trả kết quả TTHC qua BCCI mỗi năm thêm 10%. Đề nghị Bưu điện tỉnh (*đơn vị được Chính phủ giao thực hiện dịch vụ BCCI*) có giải pháp nhân sự, thiết bị,... để phối hợp với các Sở, ngành, địa phương thực hiện.

- Yêu cầu Văn phòng UBND tỉnh: chủ trì nâng cấp Cổng dịch vụ công trực tuyến của tỉnh đáp ứng yêu cầu chức năng, tính năng kỹ thuật theo quy định của Bộ Thông tin và Truyền thông, phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông kết nối, đồng bộ dữ liệu giám sát đo lường mức độ sử dụng dịch vụ công trực tuyến từ Cổng dịch vụ công trực tuyến với Hệ thống đánh giá chỉ số phục vụ người dân, doanh nghiệp của Cổng Dịch vụ công quốc gia, Hệ thống giám sát, đo lường mức độ sử dụng dịch vụ chính phủ số (*do Văn phòng Chính phủ, Bộ Thông tin và Truyền thông triển khai*).

- Yêu cầu Văn phòng UBND tỉnh, các huyện, thành phố Gia Nghĩa: chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính nâng cấp hạ tầng công nghệ thông tin, trong đó, ưu tiên triển khai Đề án 06 tại các bộ phận một cửa trên địa bàn tỉnh.

- Yêu cầu Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Tài nguyên và Môi trường: đẩy nhanh tiến độ triển khai nền tảng số nông nghiệp, công thông tin dữ liệu đất đai.

- Yêu cầu Công an tỉnh: chủ trì triển khai Đề án 06 trên địa bàn tỉnh nhằm khai thác dữ liệu hiệu quả từ cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư để giảm thiểu giấy tờ cho người dân và doanh nghiệp.

VII. VỀ KINH TẾ SỐ

1. Đánh giá chỉ số Hoạt động kinh tế số: Có giá trị 0,349, có xếp hạng 34/63 tỉnh/thành phố gồm 12 chỉ số thành phần, trong đó có 06 chỉ số thành phần đạt điểm dưới mức trung bình và 03 chỉ số thành phần không có điểm do tỉnh chưa có Chương trình, Đề án phát triển công nghiệp ICT, phát triển sản phẩm số Make in Viet Nam; doanh thu trong lĩnh vực công nghiệp ICT, viễn thông, internet, thương mại điện tử, kinh doanh số, kinh tế số, mô hình kinh doanh mới, tài chính ngân hàng, giao thông vận tải và logistics, năng lượng sản xuất công nghiệp trên địa bàn tỉnh còn rất thấp; các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh chưa triển khai sử dụng hợp đồng điện tử...

7	Hoạt động kinh tế số	Nguyên nhân	Trách nhiệm của đơn vị
7.1	Tỷ trọng kinh tế số trong GRDP	Doanh thu trong lĩnh vực công nghiệp ICT, viễn thông, internet, thương mại điện tử, kinh doanh số, kinh tế số, mô hình kinh doanh mới, tài chính ngân hàng, giao thông vận tải và logistics, năng lượng sản xuất công nghiệp trên địa bàn tỉnh còn rất thấp.	Sở Thông tin và Truyền thông, Cục Thống kê tỉnh
7.2	Số doanh nghiệp công nghệ số (Số lượng doanh nghiệp cung cấp dịch vụ viễn thông – CNTT)	Số lượng doanh nghiệp số trên địa bàn tỉnh còn rất ít. Chưa có Chương trình, Đề án phát triển công nghiệp ICT, phát triển sản phẩm số Make in Viet Nam.	Sở Thông tin và Truyền thông
7.3	Số lượng doanh nghiệp nền tảng số	Số doanh nghiệp nền tảng số trên địa bàn chỉ có 31 đơn vị. Do điều kiện kinh tế - xã hội còn hạn chế, mặc dù đã có chính sách phát triển doanh nghiệp số nhưng chưa được triển khai thực chất, chưa mang lại hiệu quả	Sở Thông tin và Truyền thông

7.4	Số lượng doanh nghiệp nhỏ và vừa tiếp cận, tham gia chương trình SMEdx	Do công tác tuyên truyền, hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa tham gia chương trình chưa được thực hiện hoặc có thực hiện nhưng còn chung chung.	Hội doanh nghiệp tỉnh; Hội doanh nhân trẻ tỉnh Sở Thông tin và Truyền thông
7.5	Tỷ lệ doanh nghiệp nhỏ và vừa sử dụng nền tảng số	Còn hạn chế trong công tác tuyên truyền; Hầu hết các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh là doanh nghiệp nhỏ, siêu nhỏ, hoạt động theo phương thức truyền thông chưa quan tâm đến việc sử dụng các nền tảng số trong hoạt động	Hội doanh nghiệp tỉnh; Hội doanh nhân trẻ tỉnh Sở Thông tin và Truyền thông
7.6	Tỷ lệ doanh nghiệp sử dụng hợp đồng điện tử	Không có Hợp đồng điện tử phát sinh trên địa bàn tỉnh	Sở Tài chính
7.7	Số lượng giao dịch trên sàn thương mại điện tử Vò sò và Postmart	Số lượng giao dịch trên sàn TMĐT Vò Sò và Postmart tại địa bàn rất thấp 194 lần	Sở Thông tin và Truyền thông
7.8	Tổng kinh phí đầu tư từ Ngân sách nhà nước cho kinh tế số	Không thống kê được tổng kinh phí đầu tư từ NSNN cho kinh tế số	Sở Kế hoạch và Đầu tư
7.9	Tổng kinh phí chi thường xuyên từ Ngân sách nhà nước cho kinh tế số	Không thống kê được tổng kinh phí chi thường xuyên từ NSNN cho kinh tế số	Sở Tài chính

2. Tình hình thực hiện

a) Kết quả đạt được:

- Đã ban hành Chương trình thúc đẩy phát triển và sử dụng các nền tảng số quốc gia phục vụ chuyển đổi số, phát triển Chính phủ số, kinh tế số, xã hội số tại Kế hoạch số 259/KH-UBND ngày 18/5/2022; Kế hoạch số 294/KH-UBND ngày 01/6/2022 của UBND tỉnh về việc thúc đẩy thanh toán không dùng tiền mặt trong các cơ sở giáo dục, y tế.

- Kế hoạch phát triển doanh nghiệp số trên địa bàn tỉnh cũng đã được ban hành (tại Kế hoạch số 233/KH-UBND ngày 08/5/2022). Hiện, có 03 doanh nghiệp công nghệ số hoạt động đóng chân trên địa bàn tỉnh nhưng đều là Chi nhánh của các tập đoàn, tổng công ty như VNPT, Viettel, Mobifone.

- Có 02/8 địa phương đã ban hành Kế hoạch phát triển kinh tế số và xã hội số đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 là huyện Đắk Mil và Cư Jút.

- Tỷ trọng giá trị tăng thêm của kinh tế số trong GRDP là 6,39% (Số liệu thẩm định của Bộ Thông tin và Truyền thông).

- Tỷ lệ doanh nghiệp nộp thuế điện tử và tỷ lệ doanh nghiệp đang hoạt động sử dụng hoá đơn điện tử là 100%.

- Đã thực hiện hỗ trợ đưa hàng hóa, sản phẩm nông nghiệp lên sàn thương mại điện tử, đặc biệt là các hàng nông sản đạt tiêu chuẩn OCOP, VIETGAP, ... lên sàn 02 thương mại voso.vn và postmart.vn. Đến nay, đã hỗ trợ lên sàn thương mại điện tử cho 630 sản phẩm, trong đó có 47/47 sản phẩm OCOP và 583 sản phẩm nông nghiệp khác; Tổng số hộ sản xuất nông nghiệp đã được số hóa thông tin là 111.390 hộ, đạt 92,8% (*Số liệu của Cục Thống kê trên địa bàn tỉnh khoảng 120.000 hộ SXNN*).

- Có khoảng 25% dân số tham gia mua sắm trực tuyến trên các sàn thương mại điện tử, mạng xã hội và các ứng dụng di động như: Lazada, Shopee, Sendo, Facebook, Zalo, ...

b) Hạn chế:

- Nhiều đơn vị chưa ban hành Kế hoạch hành động triển khai Chiến lược quốc gia phát triển kinh tế số và xã hội số. Chuyển đổi số trong các ngành, địa phương chủ yếu vẫn tập trung nhiều vào phát triển chính quyền điện tử, gặp nhiều lúng túng trong triển khai phát triển kinh tế số và xã hội số.

- Bộ máy nhân lực để thúc đẩy phát triển kinh tế số tại các bộ ngành địa phương đều rất mỏng, hầu như chưa có.

3. Giải pháp khắc phục

- Đẩy mạnh việc số hóa ngành Tài chính, thanh quyết toán ngân sách, số hóa dữ liệu tài chính ngân sách.

- Yêu cầu Cục thuế tỉnh có giải pháp thúc đẩy và xác định tỷ lệ doanh nghiệp nộp thuế điện tử hàng năm.

- Yêu cầu Sở Tài chính chỉ đạo triển khai hợp đồng điện tử trên địa bàn tỉnh.

- Yêu cầu Bưu điện tỉnh, chi nhánh bưu chính Viettel Đắk Nông có giải pháp thúc đẩy nhanh việc giao dịch trên sàn thương mại điện tử [voso](http://voso.vn) và [Postmart](http://postmart.vn), nhằm tăng tỷ lệ các giao dịch trên các sàn TMĐT do mình quản lý.

- Yêu cầu các Sở, ngành, địa phương khẩn trương ban hành kế hoạch triển khai Chiến lược quốc gia phát triển kinh tế số và xã hội số.

- Yêu cầu các Sở quản lý nhà nước ngành, lĩnh vực trọng điểm phát triển kinh tế số (*Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Công thương, Giáo dục và Đào tạo*) bám sát theo Kế hoạch chuyển đổi số đã ban hành. Ngoài ra, một số Sở ngành như Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Tài nguyên và Môi trường... cần có sự quan tâm đặc biệt, đầu tư thích đáng, khẩn trương ban hành Kế hoạch phát triển kinh tế số và xã hội số trong ngành, ưu tiên bố trí nguồn lực triển khai.

VIII. VỀ XÃ HỘI SỐ

1. Đánh giá chỉ số Hoạt động xã hội số

Có giá trị 0,3435, có xếp hạng 18/63 tỉnh/thành phố gồm 08 chỉ số thành phần, trong đó có 03 chỉ số thành phần đạt điểm dưới mức trung bình và 03 chỉ

số thành phần không có điểm do trong năm 2021, Bộ công an chưa triển khai danh tính số; tổng kinh phí đầu tư cho xã hội số rất thấp; người dân trên địa bàn tỉnh chủ yếu hoạt động kinh tế nông nghiệp, nhu cầu triển khai chữ ký số cá nhân không cao...

8	Hoạt động xã hội số	Nguyên nhân	Trách nhiệm của đơn vị
8.1	Số lượng người dân có danh tính số/tài khoản định danh điện tử	Năm 2021, Bộ công an chưa triển khai danh tính số	Công an tỉnh
8.2	Số lượng dân số ở độ tuổi trưởng thành có chữ ký số hoặc chữ ký điện tử cá nhân	Người dân trên địa bàn tỉnh chủ yếu hoạt động kinh tế nông nghiệp, nhu cầu triển khai chữ ký số cá nhân không cao	UBND các huyện, thành phố Gia Nghĩa
8.3	Số lượng người dân biết kỹ năng về công nghệ thông tin và truyền thông	Chưa triển khai, hướng dẫn các hoạt động phổ cập về kỹ năng công nghệ thông tin và truyền thông cho người dân	UBND các huyện, thành phố Gia Nghĩa
8.4	Tổng kinh phí đầu tư từ ngân sách nhà nước cho xã hội số	Không thống kê được tổng kinh phí đầu tư từ NSNN cho xã hội số	Sở Kế hoạch và Đầu tư
8.5	Tổng kinh phí chi thường xuyên từ ngân sách nhà nước cho xã hội số	Không thống kê được tổng kinh phí chi thường xuyên từ NSNN cho xã hội số	Sở Tài chính
8.6	Mức độ người dân được tham gia vào cùng cơ quan nhà nước giải quyết vấn đề của địa phương với chính quyền	- Tỉnh chưa triển khai ứng dụng dành cho người dân và doanh nghiệp để tiếp nhận và xử lý phản ánh, kiến nghị; - Chưa có chức năng phản ánh, kiến nghị trực tuyến trên Cổng DVCTT	Sở Thông tin và Truyền thông, Văn phòng UBND tỉnh

2. Tình hình thực hiện

a) Kết quả đạt được

Triển khai các nền tảng công nghệ trong công tác phòng, chống dịch Covid-19

- Đối với Nền tảng tiêm chủng Vắc xin Covid-19 và ký duyệt dữ liệu tiêm chủng phục vụ việc cấp hộ chiếu vắc xin trên PC-Covid và Sổ sức khỏe điện tử (SKĐT): Toàn tỉnh có 79/79 đơn vị (8 Trung tâm Y tế các huyện, thành phố, 71

Trạm Y tế xã, phường, thị trấn) sử dụng chứng thư số phục vụ việc ký xác nhận dữ liệu tiêm chủng để cấp “Hộ chiếu vắc xin” cho người dân theo quy định.

- Đối với nền tảng hỗ trợ lấy mẫu và trả kết quả xét nghiệm, 09 đơn vị được cấp tài khoản (*Trung tâm Kiểm soát bệnh tật, 08 Trung tâm y tế các huyện, thành phố Gia Nghĩa*).

- Đối với Nền tảng quản lý bệnh nhân F0 thể nhẹ tại nhà trên Sở sức khỏe điện tử: Trung tâm y tế các huyện, thành phố Gia Nghĩa nhập và quản lý 4.636 đối tượng F0 thể nhẹ, không triệu chứng điều trị tại nhà.

Hồ sơ sức khỏe điện tử (HSSK)

- Tổng số hồ sơ khởi tạo có tài khoản HSSK từ Bảo hiểm xã hội tỉnh (*Thông tin chung; Thông tin thẻ BHYT; Thông tin quan hệ gia đình; Thông tin liên hệ*): **661.312 /664.416** đạt tỷ lệ 99,5%.

- Tổ chức thực hiện cập nhật dữ liệu thông tin y tế vào Hồ sơ sức khỏe điện tử của người dân trên địa bàn tỉnh theo Quyết định số 1054/QĐ-UBND ngày 26/7/2021 về việc ban hành danh mục cơ sở dữ liệu dùng chung của tỉnh Đắk Nông, tổng số hồ sơ được hoàn thiện và thông tin chính xác được quản lý theo Quyết định 831/QĐ-BYT (đã có tài khoản HSSK, cập nhật thông tin về lịch sử khám chữa bệnh hoặc Tiêm chủng): 132.900/661.312 đạt tỷ lệ 20,1%.

Hoạt động thanh toán không dùng tiền mặt (TTKDTM)

- *Tại các ngân hàng thương mại, giao dịch điện tử:*

Hiện nay các chi nhánh ngân hàng thương mại trên địa bàn tỉnh đều ứng dụng các giải pháp kỹ thuật, trí tuệ nhân tạo để phân tích hành vi, nhu cầu khách hàng giúp tối ưu hóa, cá nhân hóa việc cung ứng sản phẩm, dịch vụ. Một số dịch vụ ngân hàng (thanh toán, nhận tiền tiết kiệm) gần như được số hóa 100%, cho phép khách hàng thực hiện tất cả các khâu trong quy trình sử dụng dịch vụ thanh toán (từ mở tài khoản, chuyển tiền, thanh toán hóa đơn, nộp rút tiền tiết kiệm,...), các ngân hàng hiện nay đã xây dựng kho dữ liệu, tạo hệ sinh thái số trải rộng nhiều ngành, lĩnh vực như: hệ sinh thái mobile banking kết nối với dịch vụ công, tài chính, viễn thông, điện lực, giao thông, y tế...

Đến ngày 20/8/2022, trên địa bàn tỉnh Đắk Nông ước có 78 ATM và 296 máy POS hoạt động; số đơn vị trả lương qua tài khoản ước đạt 995 đơn vị, trong đó có 863 đơn vị hưởng lương từ ngân sách nhà nước; số thẻ được phát hành tại các NHTM đang còn hoạt động khoảng 337.213 thẻ; số tài khoản thanh toán các NHTM đã mở cho khách hàng đang còn hoạt động khoảng 392.823 tài khoản.

- *Hoạt động TTKDTM đối với dịch vụ công:*

+ 100% doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh đăng ký nộp thuế điện tử;
+ 78% trên tổng số thu ngân sách được hạch toán tại Kho bạc nhà nước qua phương thức điện tử;

+ 65% doanh thu tiền điện của Công ty điện lực Đắk Nông thanh toán qua phương thức điện tử;

+ Trên 40% số người hưởng và số tiền lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội, trợ cấp thất nghiệp trong tình chi trả qua tài khoản cá nhân.

- *Đối với ngành y tế:* Đến nay có 03/9 cơ sở khám chữa bệnh (Bệnh viện đa khoa tỉnh, Trung tâm y tế huyện Đắk G'Long, Trung tâm Y tế huyện Đắk R'Lấp) đã thực hiện thanh toán viện phí không dùng tiền mặt³.

- *Đối với ngành giáo dục:* Toàn tỉnh có 238/386 (đạt tỷ lệ 65%) cơ sở giáo dục, trường học triển khai hình thức thanh toán không dùng tiền mặt, góp phần nâng cao hiệu quả quản lý của nhà trường, giải pháp tích cực góp phần minh bạch hóa khoản thu trong nhà trường, giảm bớt nhiều thời gian trong việc thu chi để các trường tập trung trọng tâm cho công tác giảng dạy.

- *Triển khai Địa chỉ số gắn với bản đồ số:* Tổng số hộ gia đình có địa chỉ số là 174.249 hộ (đạt 100%), cụ thể như sau:

STT	Địa bàn	Số lượng địa chỉ cập nhật
1	TP Gia Nghĩa	18.033
2	Huyện Cư Jút	27.232
3	Huyện Krông Nô	21.543
4	Huyện Đắk Glong	14.716
5	Huyện Đắk Mil	30.061
6	Huyện Đắk R'Lấp	25.006
7	Huyện Đắk Song	21.823
8	Huyện Tuy Đức	15.835

- *Hóa đơn điện tử (HDDT):* 100% (2.773/2.773) doanh nghiệp, tổ chức và hộ kinh doanh trên địa bàn tỉnh đã chuyển đổi sang sử dụng HDDT, Đắk Nông là một trong những địa phương về đích sớm nhất theo mục tiêu của Tổng Cục thuế.

b) Hạn chế:

Kỹ năng số của người dân còn chưa cao và tập trung chủ yếu ở giới trẻ; số lượng người dùng các nền tảng số phục vụ đào tạo, học tập trực tuyến, đọc sách trực tuyến còn thấp; người dân chưa thực sự quan tâm đến việc tự đảm bảo an toàn thông tin trên môi trường mạng.

3. Giải pháp khắc phục

- Yêu cầu Sở Thông tin và Truyền thông chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành, địa phương thúc đẩy tuyên truyền, hướng dẫn người dân về kỹ năng số

³ Bệnh viện đa khoa tỉnh, Trung tâm y tế huyện Đắk G'Long, Trung tâm Y tế huyện Đắk R'Lấp đã phối hợp với ngân hàng đặt 02 máy giao dịch tự động (ATM) và máy POS quét thẻ tại quầy thu viện phí.

cho người dân thông qua các tổ công nghệ số cộng đồng ở cấp xã, thôn.

- Yêu cầu Sở Thông tin và Truyền thông tăng cường các giải pháp tạo sự thuận lợi cho người dân tham gia giải quyết các vấn đề của địa phương trên nền tảng số, không gian mạng.

- Yêu cầu các Sở, ngành, địa phương nâng cao trách nhiệm trong việc xử lý các vấn đề góp ý, thắc mắc của người dân chất lượng, kịp thời tạo niềm tin cho người dân tham gia xây dựng chính quyền và giải quyết các vấn đề của địa phương trên nền tảng số, không gian mạng nhiều hơn.

- Yêu cầu các địa phương triển khai giao nhiệm vụ cho Tổ công nghệ số cộng đồng “đi từng ngõ, gõ từng nhà, hướng dẫn từng người”: Sử dụng dịch vụ công trực tuyến; Thanh toán không dùng tiền mặt; Mua bán, tiếp thị trên sàn thương mại điện tử Việt Nam như Vó Sò và PostMart; Sử dụng phần mềm bảo đảm an toàn thông tin mạng cơ bản...

IX. ĐÁNH GIÁ CHUNG

Tổng lượng điểm chỉ số đánh giá chuyển đổi số cấp tỉnh (DTI) năm 2021 được đánh giá trên 08 chỉ số chính với 98 chỉ số thành phần. Trong đó, tỉnh Đắk Nông có:

- 32/98 tiêu chí thành phần đạt (trên mức trung bình, khá, tốt), tỷ lệ 32%.
- 66/98 tiêu chí thành phần chưa đạt (tỷ lệ 67,3%), trong đó có 46/98 (tỷ lệ 47%) chỉ số thành phần không có điểm.

PHẦN III. NGUYÊN NHÂN VÀ ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

I. NGUYÊN NHÂN CỦA HẠN CHẾ

- Hầu hết các cơ quan, đơn vị, địa phương còn chưa biết, hiểu sâu sát được nhiệm vụ chuyển đổi số của đơn vị, ngành, địa phương mình. Do đó, các chương trình, kế hoạch về chuyển đổi số còn chưa gắn với yêu cầu thực tiễn và chưa có sự chủ động trong việc triển khai chuyển đổi số của từng ngành, địa phương, làm ảnh hưởng đến mục tiêu, tiến độ các nhiệm vụ chuyển đổi số chung của toàn tỉnh. Bên cạnh đó, một số cơ quan, đơn vị, địa phương đã có sự chủ động trong việc triển khai các nhiệm vụ như: các Sở: Nội vụ, Thông tin và Truyền thông, Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Y tế, huyện Đắk Mil, Ngân hàng nhà nước tỉnh. Tuy nhiên, hầu hết các nhiệm vụ chuyển đổi số chưa có biện pháp tổ chức thực hiện quyết liệt.

- Cơ sở hạ tầng về CNTT nói chung và hạ tầng công nghệ số trên địa bàn tỉnh còn nhiều hạn chế như: tỷ lệ máy tính/cán bộ, viên chức cấp xã cần thiết có máy tính làm việc, thiết bị tại bộ phận một cửa, thiết bị mạng, bảo mật trong cơ quan nhà nước.

- Nhiệm vụ chuyển đổi số đối với tỉnh Đắk Nông được cụ thể hóa từ Nghị quyết số 09-NQ/TU là 96 nhiệm vụ, với khái toán tổng kinh phí thực hiện khoảng 2.000 tỷ đồng. Tuy nhiên, Đắk Nông là một tỉnh còn nhiều khó khăn nên chi tối thiểu là 1% ngân sách hàng năm cho Chuyển đổi số chưa thể cân đối được nguồn.

- Đời sống của đồng bào dân tộc thiểu số ở vùng sâu, vùng xa, vùng biên giới, còn nhiều khó khăn. Có nơi chưa có điện, khoảng 40% hộ đồng bào dân tộc thiểu số chưa có điện thoại thông minh, khoảng 85% hộ đồng bào dân tộc thiểu số chưa có internet cố định, khoảng 40% hộ đồng bào dân tộc thiểu số chưa có internet di động.

- Đối với việc triển khai Công nghệ thông tin dữ liệu đất đai: nguồn kinh phí thực hiện dự án do ngân sách Trung ương và ngân sách địa phương (bố trí tối thiểu 10% số thu từ tiền sử dụng đất). Tuy nhiên từ năm 2018 đến nay ngân sách Trung ương không hỗ trợ kinh phí cho tỉnh để thực hiện dự án tổng thể.

- Đối với nhiệm vụ triển khai Nền tảng dữ liệu số nông nghiệp trên địa bàn tỉnh: hiện nay Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chưa phê duyệt Kế hoạch thúc đẩy phát triển và sử dụng các nền tảng số quốc gia gồm: Nền tảng dữ liệu số nông nghiệp; Nền tảng truy xuất nguồn gốc nông sản (*Nhiệm vụ được Chủ tịch Ủy ban Quốc gia về chuyển đổi số giao cho Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì thực hiện, hoàn thành trong tháng 3/2022 tại Quyết định số 27/QĐ-UBQGCS ngày 15/3/2022*) nên Ủy ban nhân dân tỉnh chưa ban hành Kế hoạch triển khai ứng dụng Nền tảng dữ liệu số nông nghiệp trên địa bàn tỉnh, thúc đẩy hoạt động chuyển đổi số nông nghiệp trên địa bàn tỉnh.

II. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ VÀ CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM TRONG 04 THÁNG CUỐI NĂM 2022

1. Kiến nghị, đề xuất

a) Bộ Thông tin và Truyền thông

- Xem xét triển khai hỗ trợ điện thoại thông minh đối với hộ nghèo, cận nghèo từ nguồn Quỹ viễn thông công ích để đảm bảo mỗi hộ gia đình có ít nhất 01 điện thoại thông minh;

- Hướng dẫn cụ thể quy trình, thủ tục để Sở Thông tin và Truyền thông tham mưu UBND tỉnh lựa chọn, triển khai các nền tảng số đảm bảo đúng quy định pháp luật.

b) Các Bộ, ngành khác

- Bộ Tài nguyên và Môi trường xem xét bố trí hoặc kiến nghị Chính phủ hỗ trợ kinh phí cho tỉnh Đắk Nông để thực hiện dự án tổng thể triển khai Công nghệ thông tin dữ liệu đất đai.

- Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn: sớm phê duyệt Kế hoạch thúc đẩy phát triển và sử dụng các nền tảng số quốc gia để tỉnh Đắk Nông có cơ sở triển khai Nền tảng dữ liệu số nông nghiệp, thúc đẩy hoạt động chuyển đổi số nông nghiệp trên địa bàn tỉnh.

2. Nhiệm vụ trọng tâm 04 tháng cuối năm 2022

- Dự kiến tổ chức khai trương Trung tâm điều hành đô thị thông minh cấp tỉnh (IOC- DakNong S trong tháng 10/2022 nhân dịp sơ kết 01 năm ngày

chuyển đổi số quốc gia (ngày 10/10) và ngày chuyển đổi số tỉnh Đắk Nông (ngày 01/11).

- Yêu cầu UBND các huyện, thành phố Gia Nghĩa triển khai thành lập, bồi dưỡng, tập huấn các Tổ công nghệ số cộng đồng theo hướng dẫn của Sở Thông tin và Truyền thông để hỗ trợ người dân sử dụng các nền tảng số Việt Nam một cách hiệu quả, thiết thực và chỉ đạo UBND các xã, phường, thị trấn thành lập và phát huy hiệu quả của Tổ công nghệ số cộng đồng (Lực lượng nòng cốt như: Ban tự quản, đoàn thanh niên, hội nông dân, hội phụ nữ, ở thôn, buôn, bon,...).

Yêu cầu các cơ quan, đơn vị, địa phương khẩn trương triển khai các nhiệm vụ chuyển đổi số trong năm 2022 tập trung vào các nhiệm vụ sau:

+ Chủ động triển khai các nhiệm vụ được giao tại Quyết định số 231/QĐ-UBND, Quyết định số 570/QĐ-UBND đảm bảo đúng tiến độ, trong đó ưu tiên thực hiện thuê dịch vụ công nghệ thông tin để thực hiện. Đồng thời, báo cáo, phản ánh những vướng mắc về UBND tỉnh (thông qua Sở Thông tin và Truyền thông - Cơ quan thường trực BCĐ) để kịp thời giải quyết, tháo gỡ khó khăn.

+ Yêu cầu các Sở, ngành, UBND cấp huyện chưa bố trí công chức có trình độ từ đại học chuyên ngành Công nghệ thông tin trở lên tham mưu chuyển đổi số tại cơ quan, đơn vị có kế hoạch tuyển dụng trong đợt thi tuyển công chức, đảm bảo nhân lực tham mưu chuyển đổi số tại cơ quan, đơn vị.

+ Yêu cầu Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông cân đối, tham mưu UBND tỉnh bố trí tối thiểu 1% ngân sách sự nghiệp hàng năm, bảo đảm giao nhiệm vụ, dự toán có trọng tâm, trọng điểm để các Sở, ngành, địa phương thực hiện nhiệm vụ Chuyển đổi số.

- Yêu cầu Văn phòng UBND tỉnh:

+ Chủ trì, phối hợp Sở Thông tin và Truyền thông thực hiện chuyển đổi các chức năng, tính năng kỹ thuật của Cổng dịch vụ công trực tuyến của tỉnh đáp ứng yêu cầu tại Nghị định số 42/2022/NĐ-CP; đồng thời, đôn đốc, đẩy mạnh tỷ lệ phát sinh hồ sơ trực tuyến trên Cổng dịch vụ công của tỉnh. Trong đó, chú trọng giao chỉ tiêu hồ sơ tiếp nhận, giải quyết trực tuyến đến cấp xã, phường, thị trấn.

+ Chủ trì, phối hợp các cơ quan, đơn vị đẩy nhanh tiến độ thực hiện số hóa kết quả giải quyết thủ tục hành chính còn hiệu lực để khi thực hiện dịch vụ công trực tuyến thì người dân, doanh nghiệp không cần phải nộp lại các bản sao khi thực hiện thủ tục hành chính.

- Yêu cầu Sở Y tế:

+ Tiếp tục tạo lập và cập nhật dữ liệu của người dân trên địa bàn tỉnh lên Hồ sơ sức khỏe điện tử theo đúng yêu cầu tại Quyết định số 831/QĐ-BYT ngày 11/3/2017 của Bộ Y tế về việc ban hành mẫu hồ sơ quản lý sức khỏe cá nhân chăm sóc sức khỏe ban đầu.

+ Triển khai hiệu quả các nền tảng trong công tác phòng, chống dịch bệnh Covid-19 và thanh toán không dùng tiền mặt với 06 cơ sở y tế trên địa bàn tỉnh.

PHẦN IV. DỰ KIẾN NHIỆM VỤ NĂM 2023

UBND tỉnh Đắk Nông dự kiến nhiệm vụ chuyển đổi số năm 2023 với 09 nhóm, cụ thể như sau:

1. Các nhiệm vụ duy trì hoạt động của Trung tâm tích hợp dữ liệu tỉnh đảm bảo cho hệ thống hạ tầng công nghệ thông tin chung của tỉnh: 10 nhiệm vụ.
2. Các nhiệm vụ nhằm nâng cao chỉ số "Tinh minh bạch" thuộc bộ chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI): 02 nhiệm vụ.
3. Các nhiệm vụ nhằm thúc đẩy dịch vụ công trực tuyến, nhất là các dịch vụ công thiết yếu phục vụ người dân và doanh nghiệp: 02 nhiệm vụ
4. Các nhiệm vụ nhằm phát triển các nền tảng số, số hóa dữ liệu các ngành, lĩnh vực: 17 nhiệm vụ
5. Các nhiệm vụ nhằm bảo đảm an toàn an ninh thông tin: 04 nhiệm vụ
6. Xây dựng trung tâm giám sát điều hành đô thị thông minh thành phố Gia Nghĩa và các huyện.
7. Các nhiệm vụ nhằm khắc phục các hạn chế của chỉ số đánh giá chuyển đổi số (DTI) năm 2021: 03 nhiệm vụ.
8. Các nhiệm vụ nhằm phát triển nhân lực số, nhận thức số: 03 nhiệm vụ
9. Một số nhiệm vụ khác: 03 nhiệm vụ

(Chi tiết theo Phụ lục)

Trên đây là báo cáo đánh giá chỉ số Chuyển đổi số năm 2021 và tình hình triển khai chuyển đổi số trong 08 tháng năm 2022 trên địa bàn tỉnh Đắk Nông. Kính đề nghị Bộ Thông tin và Truyền thông xem xét tổng hợp theo quy định./.

Nơi nhận:

- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các thành viên BCĐ chuyển đổi số tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành;
- UBND các huyện, thành phố Gia Nghĩa;
- Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh, Báo Đắk Nông;
- CVP, các PCVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, HCQT, TTPVHCC, TH.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



(Handwritten signature)
Hồ Văn Mười

PHỤ LỤC

(Kèm theo Báo cáo số 54/BC-UBND ngày 23/9/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông)

STT	Tên nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì
I	Duy trì hoạt động Trung tâm tích hợp dữ liệu tỉnh	
1	Thuê đường truyền Internet Leased, FE, FTTH cho Trung tâm THDL tỉnh	Sở Thông tin và Truyền thông
2	Thuê đường truyền Internet 1Gbps cho Trung tâm điều hành thông minh tỉnh	Sở Thông tin và Truyền thông
3	Thuê đường truyền Internet IPV6 cho Trung tâm THDL tỉnh	Sở Thông tin và Truyền thông
4	Bản quyền tường lửa cho hệ thống mail công vụ (Bản quyền tường lửa Barracuda Spam Firewall 300)	Sở Thông tin và Truyền thông
5	Bản quyền tường lửa Sophos XG 430 (02 thiết bị, bản quyền 3 năm 1 lần)	Sở Thông tin và Truyền thông
6	Bản quyền thiết bị Barracuda ADC 440 LB Barracuda 440 ADC (02 thiết bị, bản quyền 3 năm 1 lần)	Sở Thông tin và Truyền thông
7	Chứng chỉ bảo mật SSL cấp cho hệ thống Cổng/Trang thông tin điện tử, thư điện tử công vụ, CSDL dùng chung...(Chứng chỉ bảo mật SSL mua 2 năm/1 lần)	Sở Thông tin và Truyền thông
8	Bản quyền dịch vụ hỗ trợ kỹ thuật phần mềm ảo hóa Vmware (Máy chủ ảo hóa của TT THDL tỉnh)	Sở Thông tin và Truyền thông
9	Dịch vụ hỗ trợ kỹ thuật phần mềm cơ sở dữ liệu Oracle	Sở Thông tin và Truyền thông
10	Trực vận hành Trung Tâm THDL tỉnh	Sở Thông tin và Truyền thông
II	Nâng cao chỉ số "Tính minh bạch" thuộc bộ chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI)	

1	Triển khai trang thông tin điện tử của các Sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố tích hợp với Cổng thông tin điện tử tỉnh	Các Sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố Gia Nghĩa
2	Duy trì hoạt động Trang thông tin điện tử của các Sở, ban, ngành	Các Sở, ban, ngành
III	Thúc đẩy dịch vụ công trực tuyến, nhất là các dịch vụ công thiết yếu phục vụ người dân và doanh nghiệp	
1	Nâng cấp, duy trì Cổng dịch vụ công trực tuyến của tỉnh	Văn phòng UBND tỉnh
2	Số hóa kết quả giải quyết thủ tục hành chính theo Nghị định số 45/2020/NĐ-CP ngày 08/4/202	Văn phòng UBND tỉnh
IV	Phát triển các nền tảng số, số hóa dữ liệu các ngành, lĩnh vực	
1	Nền tảng quản lý và điều hành ngân sách nhà nước (nguồn ngân sách địa phương)	Sở Tài chính
2	Xây dựng, hoàn thiện các hệ thống cơ sở dữ liệu chuyên ngành tài nguyên và môi trường; Triển khai các giải pháp thông minh trong quan trắc, giám sát, quản lý, xử lý sự cố môi trường, cảnh báo sớm thiên tai.	Sở Tài nguyên và Môi trường
3	Thực hiện Đề án chỉnh lý tài liệu lưu trữ của các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh Đắk Nông.	Sở Nội vụ
4	Tiếp tục thực hiện số hóa văn bản tài liệu tại Trung tâm Lưu trữ.	Sở Nội vụ
5	Số hóa, chuẩn hóa cơ sở dữ liệu ngành Y tế	Sở Y tế
6	Hệ thống thông tin quản lý giáo dục và cơ sở dữ liệu ngành	Sở Giáo dục và Đào tạo
7	Hệ thống thông tin quản lý chuyên ngành toàn diện trong các lĩnh vực quản lý du lịch, cung ứng dịch vụ du lịch thông minh	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch
8	Nền tảng số ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn	Sở NN&PTNT
9	Xây dựng và thực hiện Dự án thí điểm Chuyển đổi số ngành nông nghiệp tỉnh Đắk Nông giai đoạn 2022-2025	Sở NN&PTNT



10	Xây dựng cơ sở dữ liệu cụm, khu công nghiệp	Ban Quản lý các KCN tỉnh
11	Nền tảng tập huấn, bồi dưỡng kỹ năng chuyển đổi số	Sở Thông tin và Truyền thông
12	Triển khai Hệ thống thông tin cơ sở tỉnh Đắk Nông	Sở Thông tin và Truyền thông
13	Hệ thống quản lý chuyên ngành Thông tin và Truyền thông	Sở Thông tin và Truyền thông
14	Nền tảng xác thực định danh SSO	Sở Thông tin và Truyền thông
15	Xây dựng Hệ thống điều hành, quản lý trực tuyến chất thải rắn	Sở Tài nguyên và Môi trường
16	Duy trì hệ thống quản lý và điều hành văn bản (03 năm)	Sở Thông tin và Truyền thông
17	Hệ thống thông tin quản lý hộ nghèo	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội
V	Bảo đảm an toàn an ninh thông tin	
1	Duy trì hệ thống phần mềm phòng chống mã độc tập trung	Sở Thông tin và Truyền thông
2	Kiểm tra, đánh giá an toàn thông tin Trung tâm tích hợp dữ liệu tỉnh	Sở Thông tin và Truyền thông
3	Xây dựng hệ thống DNS/DNS SEC cho hệ thống IPV6 của tỉnh	Sở Thông tin và Truyền thông
4	Diễn tập ứng cứu sự cố an toàn thông tin mạng tỉnh	Sở Thông tin và Truyền thông
VI	Xây dựng đô thị thông minh cấp huyện	
1	Xây dựng trung tâm giám sát điều hành đô thị thông minh thành phố Gia Nghĩa và các huyện + Năm 2023: Gia Nghĩa, Đắk Mil + Năm 2024: Đắk Rlấp, Cư Jut, Krông Nô	UBND các huyện, thành phố



	+ Năm 2025: Đắk Song, Tuy Đức, Đắk Glong	
VII	Khắc phục các hạn chế của chỉ số đánh giá chuyển đổi số (DTI) năm 2021	
1	Triển khai cổng thông tin dữ liệu mở tỉnh Đắk Nông (DakNong Data)	Sở Thông tin và Truyền thông
2	Xây dựng Nền tảng điện toán đám mây tỉnh Đắk Nông (2023-2025)	Sở Thông tin và Truyền thông
3	Chuyên trang Chuyển đổi số tỉnh	Sở Thông tin và Truyền thông
VIII	Phát triển nhân lực số, nhận thức số	
1	Tuyên truyền nâng cao nhận thức về chuyển đổi số	Sở Thông tin và Truyền thông
2	Đào tạo, bồi dưỡng Chuyển đổi số	Sở Thông tin và Truyền thông
3	Hoạt động của Ban chỉ đạo chuyển đổi số tỉnh	Sở Thông tin và Truyền thông
IX	Những nhiệm vụ khác	
1	Xây dựng cơ sở dữ liệu về trình độ, năng lực công nghệ sản xuất của một số ngành, lĩnh vực	Sở Khoa học và Công nghệ
2	Phần mềm quản lý hoạt động thanh tra, kiểm tra trên địa bàn tỉnh Đắk Nông	Thanh tra tỉnh
3	Triển khai thí điểm hệ thống giám sát từ thẻ công chức với camera	Sở Thông tin và Truyền thông

